TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/5/2023
V/v Tranh chấp về HNGĐ - Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Cẩm Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng;

2. Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Xuân N (Bé T), sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số nhà 408, đường TĐ, Khóm B, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Hồ Thanh S, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số nhà 324, đường PN, Ấp M, xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị N có mặt, anh S vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Huỳnh Thị Xuân N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Huỳnh Thị Xuân N và anh Hồ Thanh S kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MT và giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 05/7/1999. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Anh S

thường xuyên xa nhà, chị N không biết anh S đi đâu và khi đi anh S lấy tiền mang theo nhưng không mang tiền về lo cho gia đình, anh S giao phó cho chị N trách nhiệm chăm sóc con từ việc học hành, sinh hoạt hàng ngày trong cuộc sống. Cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, vì con nên chị N đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách nhiều hơn, anh S cũng nhiều lần yêu cầu chị N làm đơn ly hôn, chị N và anh S đã không còn chung sống từ đầu năm 2022 cho đến nay, thời gian xa nhau chị N và anh S không tìm cách hàn gắn lại tình cảm. Nay, chị N nhận thấy nếu tiếp tục chung sống thì hôn nhân cũng không có được kết quả nên yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Thanh S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm:

- Hồ Hoàng K, sinh ngày 05/10/2000, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Hồ Huỳnh Trâm A, sinh ngày 11/01/2013.

Hiện hai con chung đang sống với chị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung Hồ Huỳnh Trâm A, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hồ Thanh S: Tòa án nhân dân thành phố C đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S nhưng anh S không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Xuân N yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Hồ Thanh S, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Huỳnh Trâm A, ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không còn yêu cầu nào khác nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con".

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Hồ Thanh S là bị đơn trong vụ án có địa chỉ Số nhà 324, đường PN, Ấp M, xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Hồ Thanh S nhưng anh Hồ Thanh S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Xuân N và anh Hồ Thanh S tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 20; quyển số 01 ngày 05/7/1999 tại Ủy ban nhân dân xã MT, TX C (nay là thành phố C) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời chị N trình bày, trong quá trình vợ chồng chị N và anh S chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh S thường xuyên vắng nhà, không quan tâm lo lắng cho gia đình, chị N nhiều lần khuyên can nhưng anh S không thay đổi. Chị N nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm với anh S nhưng không thành, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách.

Hội đồng xét xử nhận định, trong quá trình chung sống, chị N và anh S phát sinh mâu thuẫn là có thật và vợ chồng anh chị đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Thời gian xa nhau, anh chị cũng không thể hàn gắn lại tình cảm. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/5/2023, chị N xác định đã không còn tình cảm với anh S. Về phía anh S, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S nhưng đến nay anh vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến hay có văn bản thể hiện phản đối yêu cầu ly hôn của chị N và anh cũng không có hành động nào thể hiện ý muốn hàn gắn tình cảm với chị N. Do mâu thuẫn giữa chị N và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Xuân N, chị Huỳnh Thị Xuân N được ly hôn với anh Hồ Thanh S.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của chị N và giấy khai sinh số 170, quyển số 01, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố C ngày 23/10/2000 và Giấy khai sinh số 15, Quyển số II đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố C ngày 25/01/2013, Hội đồng xét xử nhận định chị N và anh S có có 02 con chung gồm Hồ Hoàng K, sinh ngày 05/10/2000 và Hồ Huỳnh Trâm A, sinh ngày 11/01/2013.

Đối với con chung Hồ Hoàng K đã trưởng thành, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét;

Con chung Hồ Huỳnh Trâm A đang sống với chị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung Hồ Huỳnh Trâm A, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy con chung đang sống chung với chị N, do chị N trực tiếp chăm sóc, chị N có thu nhập hàng tháng để nuôi con. Yêu cầu của chị N cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung Hồ Huỳnh Trâm A và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Xuân N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Hồ Thanh S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Xuân N. Chị Huỳnh Thị Xuân N được ly hôn với anh Hồ Thanh S.

2. Về con chung: Chị Hồ Thị Xuân Nương và anh Hồ Thanh S có 02 con chung gồm Hồ Hoàng K, sinh ngày 05/10/2000 và Hồ Huỳnh Trâm A, sinh ngày 11/01/2013, hiện nay con chung đang sống chung với chị N.

Hồ Hoàng K đã trưởng thành, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Xuân N về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Huỳnh Trâm A.

Sau khi ly hôn, chị Huỳnh Thị Xuân N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Huỳnh Trâm A, sinh ngày 11/01/2013.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị N xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Xuân N phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011956 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Anh Hồ Thanh S không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Xuân N được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hồ Thanh S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS TPCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Cẩm Hừng